

TƯƠNG QUAN TRẦN TUNG, TRẦN QUANG TRIỀU, TRẦN NHÂN TÔNG VÀ XU HƯỚNG NHÀN TẢN TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Lê Văn Tấn^{1*}, Nguyễn Thị Hưởng²

¹Khoa Du lịch, Trường Đại học Công đoàn

²Khoa QHLD&CD, Trường Đại học Công đoàn

* Email: tanlv@dhcd.edu.vn

Ngày nhận bài: 13/06/2023

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 30/08/2023

Ngày chấp nhận đăng: 15/09/2023

TÓM TẮT

Nhàn tản là trạng thái của xúc cảm nhưng cũng đồng thời là một lựa chọn lối sống của con người, dù ở bất kể không gian hay thời gian văn hóa nào. Xúc cảm cũng như ước muốn nhàn tản được hình thành khá sớm và nhàn tản nhanh chóng trở thành một xu hướng nổi bật trong văn học trung đại ngay từ thế kỉ X, trải dài suốt gần 10 thế kỉ sau đó với nhiều hiện tượng tác giả, tác phẩm độc đáo. Từ cái nhìn của loại hình học tác giả văn học (literature typology), nếu các nhà nghiên cứu từng phân chia thành các loại hình như tác giả Thiên sư; tác giả vua chúa, tướng lĩnh, quý tộc; tác giả nhà nho (nhà nho hành đạo, nhà nho ẩn dật, nhà nho tài tử)... thì sự gặp gỡ dễ nhận thấy của tất cả các loại hình tác giả này chính là ở họ, trong những khoảnh khắc nhất định nào đó của trạng huống luôn tìm đến nhàn tản như một phương thức giải trí tiêu sấu, tiêu dao cùng non nước, mây trời để di dưỡng tính tình và tư tưởng trước tục lụy. Từ tiếp cận đó, dễ nhận thấy vị trí quan trọng không thể thay thế của nhóm tác giả thiên sư mà Trần Tung, Trần Quang Triều và Trần Nhân Tông là điển hình nhất. Gắn với không gian ẩn cư, nhàn tản mà quần thể danh thắng Yên Tử là tham chiếu căn bản, sáng tác của Trần Tung, Trần Quang Triều, Trần Nhân Tông có nhiều điểm gặp gỡ lí thú. Đây là nội dung chính được chúng tôi đặt ra và luận giải trong bài viết.

Từ khóa: Trần Nhân Tông, Trần Quang Triều, Trần Tung, văn học trung đại, xu hướng nhàn tản, Yên Tử.

CONNECTION BETWEEN THE WORKS OF TRAN TUNG, TRAN QUANG TRIEU, TRAN NHAN TONG AND THE LEISURE TREND IN VIETNAMESE MEDIEVAL LITERATURE

ABSTRACT

Leisure is both a state of mind and a lifestyle choice of people, regardless of cultural space or time. Emotions and the need to unwind were formed early on, and as early as the tenth century, they emerged as a significant trend in medieval literature. Nearly ten centuries later, this trend continued with numerous author phenomena and distinctive works. From the perspective of literary typology, if scholars have separated into groups like Zen master writers; writers who are kings, generals, or nobles; or Confucian writers (who are practicing, reclusive, or amateur Confucianists), then there are noticeable moments when all of these types of writers come together. Some people always turn to leisure as a way to pass the time when they're depressed, spending time in the company of mountains, clouds, and the sky to strengthen their inner strength and perspective before being enslaved to this world. Through that method, it becomes evident how indispensable the group of Zen master writers is, with Tran Tung, Tran Quang Trieu, and Tran Nhan Tong being the most representative. The compositions of Tran Tung, Tran Quang Trieu, and Tran Nhan Tong have numerous intriguing points of convergence, and the Yen Tu landscape complex is the fundamental reference attached to the area of solitude and leisure. This is the primary question we addressed in this article.

Keywords: medieval literature, the trend of leisure, Tran Nhan Tong, Tran Quang Trieu, Tran Tung, Yen Tu.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xét ở phương diện hành trạng, Trần Tung (1230 – 1291), Trần Nhân Tông (1258 – 1308) và Trần Quang Triều (1286 – 1325) cùng có nguyên quán ở hương Tức Mạc, phủ Thiên Trường, nay thuộc Nam Định, sau Trần Nhân Tông lên núi Yên Tử ẩn cư, tu hành và nghiên cứu Phật pháp (thuộc Ưông Bí, Quảng Ninh), Trần Quang Triều cũng sớm lui về ẩn cư ở am Bích Động (cũng thuộc Đông Triều, Quảng Ninh). Riêng Trần Tung, mặc dù không có tư liệu nào ghi chép cụ thể về nơi ông về ẩn song xét ở sở học, niềm đam mê với Phật học, Thiên học cũng như sáng tác ông để lại đều có thể cho phép chúng ta suy đoán về điểm gặp gỡ của ông với hai người sau, nhất là ở nội dung nhân bản, ngợi ca không gian thiên nhiên sinh thái gắn với quần thể danh thắng Yên Tử ngày nay.

Nhân bản là sự rõ ràng, thanh thoi và không có sự câu thúc, thúc bách của công việc cũng như tư tưởng. Nhân bản có thể biểu hiện bằng hành động song cơ bản, trạng thái của nhân bản thiên về hướng nội, là sự tiêu sái của tâm hồn trước tục lụy. Xu hướng nhân bản là một xu hướng của cảm xúc, tư tưởng ở nhiều người với những biểu hiện tương đối giống nhau nào đó. Vì thế, theo chúng tôi, xét ở phương diện loại hình học tác giả văn học (literature typology), nếu như loại hình tác giả nhà nho ẩn dật thực sự hình thành vào khoảng cuối thế kỉ XIII, đầu thế kỉ XIV với người mở đầu là Chu Văn An và kết thúc vào thế kỉ XIX với Nguyễn Khuyến thì *loại hình tác giả có xu hướng nhân bản* xuất hiện sớm hơn rất nhiều, gồm cả những tác giả là thiền sư và những tác giả là nhà nho và trải suốt chiều dài của lịch sử văn học trung đại. Sự xuất hiện của họ, một mặt làm phong phú hơn cho những kiểu loại tác giả và tác phẩm văn chương Việt Nam thời trung đại; mặt khác, sự lựa chọn cuộc đời và nhân cách của họ có ảnh hưởng ít nhiều tới các loại hình tác giả khác, đặc biệt là tác giả nhà nho ẩn dật.

Khởi đầu cho xu hướng nhân bản trong văn học trung đại Việt Nam chính là vai trò của các tác giả thiền sư mà nổi bật là lựa chọn cuộc sống, không gian nhân bản cũng như những kí ức xúc cảm của họ qua sáng tác thơ

văn còn để lại cho hậu thế. Trong loại hình tác giả thiền sư, Trần Tung, Trần Quang Triều và Trần Nhân Tông là những tác giả tiêu biểu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng kết hợp một số phương pháp cũng như thao tác sau đây:

2.1. Phương pháp loại hình học văn học

Đây là phương pháp chủ đạo của nghiên cứu này. Loại hình học hướng đến luận giải những cộng đồng chung về mặt đặc điểm khi các hiện tượng hoặc có hoặc không tiếp xúc lẫn nhau. Với phương pháp này, chúng tôi nhìn nhận các tác giả thiền sư như một loại hình tác giả có những điểm chung từ không gian thời gian văn hóa sản sinh đến sự tương đồng về học vấn, lựa chọn con đường lập thân hay việc tìm về không gian sinh thái nhân bản (núi rừng, sông suối,...) và âm hưởng của sáng tác thơ văn.

2.2. Phương pháp thống kê – phân loại

Đối với việc luận giải các đặc điểm của văn chương thì những thống kê định lượng chỉ là một tham khảo bởi nhiều trường hợp, số lượng nhiều chưa chắc chắn đã đảm bảo cho yếu tố điển hình. Bởi vậy, thao tác thống kê – phân loại trong nghiên cứu này chỉ là một gợi ý để khi tiếp cận các sáng tác của Trần Tung, Trần Quang Triều và Trần Nhân Tông chúng tôi có cơ sở đưa ra các nhận định, đánh giá chung về nội dung tư tưởng các tác phẩm.

2.3. Phương pháp so sánh văn học

Đây vừa là một phương pháp, cũng đồng thời là một thao tác quan trọng trong nghiên cứu văn học. Sử dụng phương pháp này để chúng tôi nhìn nhận các tác giả thiền sư trong tương quan với các loại hình tác giả khác cũng như so sánh các tác giả thiền sư với nhau nhằm tìm ra những tương đồng và khác biệt của họ.

2.4. Phương pháp phân tích tác phẩm văn học

Đây là một phương pháp quan trọng của nghiên cứu này. Phương pháp phân tích giúp chúng tôi làm rõ đặc điểm nội dung của các tác phẩm trích dẫn, nhất là ở các yếu tố thể hiện cảm xúc, xu hướng nhân bản.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Hướng về cái nhàn tản là cách mà các thi nhân thể hiện sự tiêu dao, cuồng phóng của xúc cảm và tư tưởng tâm hồn. Ở đó, thi nhân được thả hồn vào thiên nhiên, sông núi, những không gian u tịch, nguyên sơ, trong trẻo, vắng bóng những sinh hoạt xã hội, xa dần với ồn ào của cuộc sống thường nhật. Thiên nhiên trở thành người bạn lớn, thành tri kỉ, thành nơi di dưỡng cho biết bao cung bậc của xúc cảm mỗi người. Thăng trầm rồi cũng tựa mây khói, công danh, bổng lộc rồi cũng trôi qua. Mỗi người được sống thật nhất với ưu tư của cá nhân, được đối diện với vũ trụ rộng lớn để nghiệm suy về bao lẽ hưng phế, vui buồn, thành bại đã trải qua. Từ quan niệm về thế giới hữu linh, về thiên nhiên trường tồn, các thi nhân từ đó mà nung nấu khát vọng bất tử về tinh thần. Hướng về cái nhàn tản trên tinh thần như thế đã khiến cho hầu hết các tác giả đều mong muốn được tìm đến những không gian sống tràn ngập thiên nhiên. Và thiên nhiên tại không gian sống ấy đã trở thành hình tượng xuyên suốt và quen thuộc trong sáng tác của họ. Hình thành nên một xu hướng văn chương ngợi ca thiên nhiên, thể hiện những xúc cảm và khát vọng nhàn trong văn học trung đại mà khởi đầu xuất sắc chính là đóng góp của các tác giả thi nhân với ba trường hợp tiêu biểu Trần Tung, Trần Quang Triều và Trần Nhân Tông.

3.1. Tác giả thi nhân có xu hướng nhàn tản

3.1.1. Cơ sở hình thành loại hình tác giả thi nhân có xu hướng nhàn tản

Thứ nhất, từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV, Phật giáo giữ vị trí là quốc giáo. Phật giáo coi cuộc đời là bể khổ, vừa do khách quan và chủ quan mang lại. Muốn thoát khỏi khổ đau, Phật giáo khuyên con người ta phải tìm cách thoát khỏi sự *vô minh* (vì vô minh nên con người ta từ khi sinh ra đều tìm mọi cách để níu kéo cái vô thường: *danh vọng, địa vị, tiền bạc, sự nghiệp, tuổi thọ...*). Một trong những phương cách giải phóng vô minh chính là coi thường danh lợi, sống an bản lạc đạo. Hơn nữa, Phật giáo Thiền tông đã sáng tạo quan niệm về *niết bàn*: niết bàn không gì cao xa, viển vông mà nằm ngay trong chính cá nhân

người tiếp nhận. Để đạt được niết bàn theo quan niệm của thiền sư chính là cần sống thuận theo tự nhiên, hoà nhập vào thiên nhiên thuần khiết, an nhiên và hướng đến những vẻ đẹp siêu việt giữa đời thực, tránh xa tất cả mọi sự ràng buộc, hướng đến cái đẹp của tâm cảnh siêu việt, cái đẹp của nhậm vận tùy duyên, cái đẹp ở ngoài cõi, ngoài phương... Đây chính là lí do mà Trần Tung, Trần Quang Triều sau khi hoàn thành chính sự đã sớm tìm về cuộc sống tiêu dao nhàn tản, hòa mình ngay vào lâm tuyền, sơn khê. Trần Nhân Tông thì sau khi hoàn thành những nhiệm vụ chính trị cao cả của mình cũng nhanh chóng lui về rừng núi Yên Tử để tu hành. Tại đây, Trần Nhân Tông đã lập ra môn phái Thiền và đưa nó phát triển lên một tầm cao chưa từng có trước đó. Yên Tử đã chính thức trở thành không gian nhàn tản, không gian tiêu dao lí tưởng đối với ông suốt từ đó đến khi nhập niết bàn.

Thứ hai, trên thực tế, hầu hết các thiền sư Việt Nam đều hấp thụ sở học của Nho gia. Lí thuyết Nho gia vốn khá linh hoạt, “dùng chi tắc hành, xả chi tắc tàng” (dùng đến, trọng dụng thì ra làm quan, phục vụ triều đại, đất nước; không dùng thì ẩn đi), một mặt đề cao con đường khoa cử, hoạn lộ; mặt khác, bản thân lí thuyết Nho gia cũng vẫn mở một lối ngõ cho trí thức khi tình hình thời thế bất như ý để cá nhân được giải phóng, được tự do. Thêm vào đó, tư tưởng vô vi, tiêu dao nhàn tản, giải phóng những ràng buộc xã hội, hoà nhập vào thiên nhiên của Đạo gia cũng có những ảnh hưởng nhất định tới các thiền sư.

Thứ ba, tình hình lịch sử – xã hội và tư tưởng – văn hoá Việt Nam ở các thế kỉ X – XIII, đầu XIV khá cởi mở. Một mặt, chính thể đương thời khuyến khích các thiền sư tham gia chính sự; mặt khác, vẫn cho phép họ tùy cơ ứng biến, tự do trong sự lựa chọn con đường của cá nhân. Nhất là sau khi chiến thắng giặc Mông – Nguyên, nhà Trần đạt đến cực thịnh, đất nước thanh bình, nhân dân yên ổn, an cư lạc nghiệp. Đó chính là lí do cho phép các thiền sư được quan tâm đến chính bản thân mình hơn, họ có thể tự cho phép mình được lui về sơn khê nghiên cứu thiền học, sống nhàn tản điền viên, hoà nhập với thiên nhiên thuần khiết, sống cuộc sống giản dị, tối giản về vật chất nhưng lại phong phú về tinh thần.

3.1.2. Điểm gặp gỡ giữa Trần Tung, Trần Quang Triều và Trần Nhân Tông

Cuộc đời và sự nghiệp của ba vị thiền sư này tuy khác nhau song ở họ có sự gặp gỡ khá lí thú: ở vào những thời điểm thích hợp, mỗi người, từ cách của mình đã chối từ danh lợi và địa vị cao sang để hướng đến một cuộc sống nhân bản, thích chí, được tự do, cuông phóng và bay bổng, hoà nhập vào thiên nhiên. Họ là những tác giả thiền sư đã nhìn thấy ở thiên nhiên vật báu mà con người do vô minh đã lãng quên hoặc không nhận ra. Bài ca cuông phóng của Trần Tung là một trường hợp điển hình cho ý này. Tác phẩm cũng trở thành một kiệt tác mà hầu hết dư ba của nó có ảnh hưởng sâu đậm trong các sáng tác có chủ đề liên quan ở các giai đoạn sau:

Thiên địa diều vọng hề hà mang mang,
 Trượng sách ưu du hề phương ngoại phương.
 Hoặc cao cao hề vân chi sơn,
 Hoặc thâm thâm hề thủy chi dương.
 Cơ tác san hề hoà la phạn,
 Khôn tắc miên hề hà hữu hương.
 Hứng thời xuy hề vô không địch,
 Tĩnh xứ phần hề giải thoát hương.
 Quyện tiêu phại hề hoan hỉ địa,
 Khát bão xuyết hề tiêu dao thang.
 Quy Sơn tác làn hề mục thủy cổ,
 Tạ Tam đồng chu hề ca Thương lương.
 Phông Tào Khê hề áp Lư thị,
 Yết Thạch Đầu hề sài Lão Bàng...
 (Phóng cuông ngâm)

(Ngắm trông trời đất thật là mênh mang,
 Chóng gậy nhỡ như ngoài thế gian.
 Hoặc đến chỗ núi mây cao cao,
 Hoặc đến chỗ biển nước sâu sâu.
 Đói thì ăn cơm hoà la,
 Mệt thì ngủ không có làng.
 Khi hứng thì thổi sáo không lỗ,
 Nơi yên tĩnh thấp hương giải thoát.

Mệt thì tạm nghỉ ở đất hoan hỉ,
 Khát thì uống no thang tiêu dao.
 Láng giềng với Quy Sơn đi chẵn trâu nước,
 Cùng thuyền với Tạ Tam hát khúc Thương lương.
 Hỏi thăm đến suối Tào Khê vài chào Lư thị,
 Yết kiến Thạch Đầu sáng cùng Lão Bàng...
 (Trần Tung, *Bài ngâm cuông phóng*
 Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), 1988)¹

Chỗ khác ông viết:

Hồ hải sơ tâm vị thủy ma,
 Quang âm như tiền hựu như thoa.
 Thanh phong minh nguyệt sinh nhai túc,
 Lục thủy thanh sơn hoạt kế đa.
 Hiểu quải cô phàm lãng hãn mạn,
 Văn hoành đoản địch lộng yên ba.
 Tạ Tam kim dĩ vô tiêu tức,
 Lưu đắc không thuyền các thiền sa.
 (Giang hồ tự thích)
 (Tắm lòng hồ hải trước đây chưa tìm
 tiêu mòn,
 Bóng quang âm vun vút như tên lại như thoi.
 Gió mát trăng thanh, sinh nhai đủ,
 Non xanh nước biếc, kế sông dồi dào.
 Buổi sớm, kéo cánh buồm cô đơn băng
 mặt nước mênh mông,
 Chiều hôm, cầm ngang chiếc sáo ngắn,
 đùa với khói sóng.
 Tạ Tam nay đã không còn tâm hơi gì nữa,
 Chỉ còn lưu lại chiếc thuyền không,
 ghéch mình lên cát.)
 (Vui thích giang hồ)

Thiên nhiên trong thơ của họ hiện lên như những bức tranh, ngưng đọng trong khoảnh khắc vĩnh hằng, bất biến. Từ trong thiên nhiên như thế, thiền sư càng nhận rõ hơn về cái hư ảo của cuộc đời – điều khiến cho họ càng quyết liệt hơn trong việc hướng đến tự do. Trần Quang Triều viết:

¹ Trích thơ của Trần Tung, Trần Quang Triều và Trần Nhân Tông và các tác giả văn học thời

Lý – Trần trong bài viết chúng tôi đều lấy từ cuốn này.

Nam quốc na kham nhập họa đồ,
Tân An trì quán trưởng cô bồ.
Niên niên lãnh lãm nhàn phong nguyệt,
Trúc ngoại nhất thanh đề giá cô.

(Đề Liêu Nguyên Long tổng họa cảnh phiến)
Phong cảnh nước Nam khó có thể đưa
vào tranh vẽ,
Trong ao bên quán Tân An cỏ năn, cỏ
lác mọc.
Hàng năm thâu lượm cảnh trăng gió
thảnh thơi,
Ngoài rặng trúc, một tiếng chim kêu.

(Đề chiếc quạt vẽ phong cảnh do
Liêu Nguyên Long tặng)

Trần Quang Triều còn sáng lập nên Thi xã Bích Động (gần chùa Quỳnh Lâm, nay thuộc địa phận của thị xã Đông Triều, Quảng Ninh) và có nhiều sáng tác miêu tả, ngợi ca vẻ đẹp sinh thái của không gian sống này. Đương thời, dù được biệt đãi, được trọng dụng bởi văn võ song toàn song ông cũng hướng lòng mình về sơn khê từ rất sớm. Và khi được toại nguyện, lời thơ ông cất lên thực sự say mê, đắm đuối:

Tây lân thôn hạng cách Đông lân,
Kê khuyến tương văn cận yếu tân.
Hải yển nhật tà đề lộng ảnh,
Giang hoa phong tế viễn tùy nhân.
Đạo phùng mai vũ liên vân thực,
Tâm đảo tang thiên trước diệp tân.
Khước tiểu ngâm ông tham thắng thưởng,
Ngọc kinh quy trạo dĩ kiếm tuần.
(Giang thôn tức sự)

(Ngõ xóm Tây cách với xóm Đông,
Tiếng gà gáy chó sủa vọng sang nhau
gần bên sông chính.
Dưới ánh trời tà, én biển là là bay giỡn bóng,
Trong làn gió nhẹ, hoa bên sông xa xa
hướng theo người.
Lúc gặp mưa mai, chín liền đến chân mây,
Tầm đến mùa dâu, theo lá mà đổi khác.
Buồn cười cho nhà thơ mãi ngắm cảnh đẹp,
Đi thuyền về kinh sư đã trọn tuần.
(Tức cảnh xóm bên sông)

Thơ Trần Quang Triều được đánh giá giàu tình cảm, tinh tế, phóng khoáng, tài hoa. Lời thơ cô đọng và hàm súc, giản dị, dễ hiểu, hầu hết nói đến thú ẩn dật, du ngoạn, uống rượu ngâm thơ. Ở đó là hình ảnh của thi nhân hòa nhập vào thiên nhiên và cuộc sống thôn dã. Thơ Trần Quang Triều xứng đáng được phổ biến, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi chúng ta đang cấp bách bảo vệ và phục dựng các không gian sinh thái tự nhiên phục vụ phát triển các loại hình du lịch gắn với không gian điểm đến.

Trong nhiều nội dung sáng tác của mình, Trần Nhân Tông đã dành nhiều bài miêu tả thiên nhiên, ngợi ca thiên nhiên của núi rừng Yên Tử, nơi ông về trí sĩ và sáng lập dòng Thiền Trúc Lâm nổi tiếng. Cái u tịch, hoang vu, sơ nguyên của những tháng năm xa xưa ấy đã như một lẽ tự nhiên đi vào thơ của ông mang cái khí vị tiêu dao, thích thẳng, vượt lên trên tục lụy. Thiên nhiên tác động, thiên nhiên di dưỡng cho mỗi thi nhân. Từ đó mà thiền sư đã thực sự tìm được sự nhàn nhã, thích thẳng của tâm hồn:

Dương liễu hoa thâm điều ngữ trì,
Họa đường thiềm ảnh mộ vân phi.
Khách lai bất vấn nhân gian sự,
Cộng ý lan can khán thúy vi.
(Xuân cảnh)

(Trong khóm hoa dương liễu rậm,
chìm hút chậm rãi,
Dưới bóng thềm ngôi nhà chạm vẽ,
mây chiều lướt bay.
Khách đến chơi không hỏi việc đời,
Cùng đứng tựa lan can ngắm màu xanh
mờ mịt ở chân trời.)
(Cảnh xuân)

Hòa mình vào sinh thái Yên Tử, thiên nhiên tràn ngập đã nuôi dưỡng cho con người thi nhân trên cả hai phương diện vật chất và tinh thần. Góc núi, khe tuyền của nơi đây theo đường hướng đó đã đi vào thơ của Trần Nhân Tông rất tự nhiên. Trong hành trình của hậu sinh, hẳn những trạng huống xúc cảm nào đó của tiền nhân cũng đã từng khiến mỗi người nao nao:

Thị phi niệm trực triều hoa lạc,
 Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn.
 Hoa tận vũ tinh sơn tịch tịch,
 Nhất thanh đề điều hựu xuân tàn.

(*Sơn phòng mạn hứng, II*)

(*Niềm thị phi rụng theo hoa buổi sớm,
 Lòng danh lợi lạnh theo trận mưa đêm.
 Hoa rụng hết, mưa đã tạnh,
 núi non tịch mịch,
 Một tiếng chim kêu, lại cảnh xuân tàn.*)

(*Mạn hứng ở sơn phòng, II*)

Hay:

Thụy khởi khái song phi,
 Bất tri xuân dĩ quy.
 Nhất song bạch hồ điệp,
 Phách phách sấn hoa phi.

(*Xuân hiếu*)

Vừa ngủ dậy mở cánh cửa sổ,
 Không ngờ mùa xuân đã ùa về.
 Một đôi bướm trắng bay lượn,
 Tung cánh phàn phật đến với hoa.²

(*Buổi sớm mùa xuân*)

Về quần thể không gian sinh thái Yên Tử, gắn chặt với xúc cảm nhân tâm hướng đến cái thuần khiết của thiên nhiên rộng lớn, chúng tôi cho rằng, những gợi mở của Trần Tung trước đó là quan trọng để Trần Quang Triều và Trần Nhân Tông, từ điểm nhìn nghệ thuật của mình đã viết lên những vần thơ đẹp, đầy ý vị. Sự gắn bó, hòa quyện, giao hòa với thiên nhiên môi trường sống đã khiến các thiền sư có cơ hội được sống thực sự tự do thích chí, nhân tâm, bỏ ngoài mình danh lợi, phù hoa để hướng đến một thế giới siêu việt, thuần khiết, chẳng bận chút bụi trần... Đây cũng chính là những điểm được loại hình tác giả nhà nho ẩn dật sau này tiếp thu khá triệt để.

Như vậy, có thể khẳng định, đối với xu hướng nhân tâm trong văn học trung đại, loại hình tác giả thiền sư giữ một vị trí, vai trò quan trọng. Mà trong đó, vai trò của Trần

Tung, Trần Quang Triều và Trần Nhân Tông là đáng ghi nhận. Sự thâm nhuần triết lí sống của các hệ tư tưởng chính trị triết học đến việc lựa chọn một quan điểm, một lối sống ở vào những tình huống khác nhau của từng tác giả đã khiến họ từng bước, từng bước lui dần về với sơn khê, lâm tuyền, về với thiên nhiên. Hòa nhập vào thiên nhiên, nương tựa vào thiên nhiên là cách mà cả ba tác giả đã tìm thấy ở không gian của Yên Tử thuở trước. Nếu nói đến cảm quan sinh thái trong văn học thì có lẽ, cả Trần Tung, Trần Quang Triều và Trần Nhân Tông đều cần được nhắc tới như những người khởi đầu. Bởi chính sự khởi đầu này là nguồn cảm hứng bất tận cho hầu hết loại hình tác giả nhà nho sau đó, gồm cả mẫu nhà nho hành đạo – trung nghĩa lẫn nhà nho ẩn dật hay nhà nho tài tử (dù ít hơn).

3.2. Xu hướng nhân tâm được nối dài: trường hợp tác giả nhà nho

3.2.1. Cơ sở hình thành loại hình tác giả nhà nho có xu hướng nhân tâm

Tác giả nhà nho có xu hướng nhân tâm xuất hiện khoảng từ thế kỉ XIV và trải dài suốt từ đó cho đến hết thế kỉ XIX. Nếu như một trong những nguyên nhân quan trọng nhất khiến cho tác giả nhà nho tìm đường ẩn dật là *bất đắc chí* với chính thể đương thời hoặc tình hình xã hội, triều đại không phù hợp với lí tưởng hành đạo của họ (ví như trường hợp của Nguyễn Trãi, Nguyễn Hãng, Nguyễn Dữ, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khuyến,...) thì ở tác giả nhà nho có xu hướng nhân tâm, nguyên nhân họ hướng đến cuộc sống *nhàn tản* (chúng tôi không sử dụng từ *ẩn dật*) có vẻ như đơn giản hơn, nhẹ nhàng hơn, bởi đôi khi đó chỉ là những khoảnh khắc nhân rồi mà thôi. Một mặt, bản thân họ là những người đã tiếp thu tinh thần linh hoạt của Nho gia; tư tưởng thoát li cõi tục, vô vi, giải phóng khỏi những ràng buộc xã hội của Đạo gia và tư tưởng thoát li cõi tục, gàn gỏi, hoà nhập với thiên nhiên của Phật giáo. Mặt khác, tùy vào từng thời điểm lịch sử và cá nhân mỗi tác giả mà họ tìm tới cuộc sống nhân tâm ở những thời điểm phù hợp.

² Lê Văn Tấn tạm dịch lại từ nguyên văn chữ Hán.

3.2.2. Sự đa dạng trong các tiểu xu hướng nhân tân ở tác giả nhà nho

Trong việc lựa chọn xu hướng nhân tân, thừa kế những người đi trước mình, các nhà nho đã tạo ra được khá nhiều cảnh huống xúc cảm khác nhau mà căn cứ vào cách họ thể hiện cảm xúc nhân tân, chúng tôi tạm thời chia thành các tiểu loại sau đây:

a. Những tác giả nhân tân khi rảnh rỗi việc quan và khi về hưu quan

Đội ngũ loại hình tác giả này là đông đảo nhất trong lịch sử văn chương Việt Nam thời trung đại. Họ vốn là những người yêu mến thiên nhiên, cảnh vật nên bất kể khi nào rảnh rỗi việc quan là họ tìm đến với thiên nhiên để giải trí tiêu sấu, giúp cho tâm hồn thư thái, giải phóng những ưu tư, lo lắng, mệt mỏi với công văn giấy tờ. Hơn nữa, trên thực tế, chỉ có một số ít những tác giả có quê hương (nguyên quán) tại Thăng Long – Hà Nội hay Huế, còn lại hầu hết họ đều bước chân đi từ một miền quê nào đó. Chính vì thế, như một lẽ tất nhiên, sau những năm tháng làm quan, thân mỗi tâm mệt, họ đã tìm đường về quê sống vui thú điền viên, nhân tân lúc tuổi già. Đây là lúc họ được sống cho riêng mình, nhiều hơn là trong quan hệ với bà con, với thôn xóm... Những tác gia tiêu biểu có thể kể tới như: Phạm Sư Mạnh, Vũ Mộng Nguyên, Nguyễn Thời Trung, Trần Khả, Trần Cảnh, Phạm Nhữ Dực, Nguyễn Quý Đức, Đoàn Nguyễn Tuấn, Vũ Huy Tấn, Nguyễn Du, Nguyễn Hành, Phan Huy Ích,...

Với những tác giả khi còn tại chức, họ đã tận dụng tối đa thời gian rảnh rỗi để hướng lòng mình tới thiên nhiên:

Nhất thủy doanh doanh cách thế trần,
Tiểu kiều ôn trước hảo tâm xuân...
Nhân gian thử cảnh thủy miêu đắc,
Tá dữ thi ông vị tả chân.
(Phạm Nhữ Dực, *Tầm Mai kiều ngoạn nguyệt*)
(Dòng nước láng láng cách biệt cõi đời
Chiếc cầu nhỏ vững vàng, tiện cho việc
tìm thú chơi xuân...

Cảnh này, người đời ai vẽ được
Hãy cho nhà thơ mượn để miêu tả chân thực)
(Phạm Nhữ Dực, *Chơi trăng trên cầu Tầm Mai*)

Và khi được lùi xa cuộc sống quan trường, nho sĩ nhận thức và cảm nhận sâu sắc hơn, đầy đủ hơn về cái khổ của kẻ làm quan:

Quan đắc lộ thời kinh hạo thủ,
Học cùng lí xứ tích thanh xuân.
Khách hoài quai lệ đa như thử,
Hà sự đồ lao bách tuế thân?
(Trần Khả, *Bất như ý*)

(Làm quan khi gặp thời lại sợ tóc bạc,
Học đến chỗ thấu mọi nhẽ lại tiếc tuổi xuân.
Khách cứ băn khoăn nhiều về những điều
trái ngược như thế,
Tội gì đây đọa tâm thân trăm năm của mình?)
(Trần Khả, *Chẳng như ý* (Trần Thị
Băng Thanh (Chủ biên), 1997, tr 288))

Họ tranh thủ tối đa thời gian rảnh rỗi của mình để tận hưởng sự nhân tân hiếm hoi. Từ đây, trong tiếng thơ của những tác giả này hiện lên hình tượng của một con người sống hoà nhập vào thiên nhiên, cuộc sống nơi thôn dã. Họ nhìn thấy vẻ đẹp thuần khiết ở thiên nhiên và gửi lòng mình vào đó như một sự kí thác cho chính nỗi ưu tư trong lòng họ bấy lâu:

Nhất hàng bạch lộ lai hàn chữ,
Thiên lí quy phàm lạc văn cơ.
Nhật nhập thủy phong khai họa chương,
Yên lung hồng thụ triển la duy.
Anh hùng dĩ lũy hào hoa tận,
Duy hữu Nam sơn bất chuyển di.
(Vũ Mộng Nguyên, *Vãn vọng*)

(Cò trắng một hàng từ bãi xa bay tới
Thuyền buồm muôn dặm chiều về đang cập bến
Mặt trời vào núi xanh như mở ra một bức
trường vẽ
Khói lồng rặng cây màu hồng như
buồng xuống một chiếc màn the
Cũng vậy, anh hùng đến lúc cũng sẽ hết
ngón hào hoa của mình

*Chỉ có núi phương Nam mới không bao giờ
xê dịch)*

(Vũ Mộng Nguyên, *Ngắm cảnh chiều*
(Bùi Văn Nguyên (Chủ biên), 1995, tr 306)³)

Hay:

Tri khoan tiên đắc nguyệt,
Động cổ tảo tri thu.
Điều khước ba gian túc,
Ngư phiên mộc mật du...

(Nguyễn Thời Trung, *Đề Hương Hải am*)

*(Ao rộng, trăng mọc là thấy trước
Động xưa, thu tới được biết nhanh
Chim như nằm dưới làn sóng
Cá như lướt trên ngọn cây...)*

(Nguyễn Thời Trung, *Đề am Hương Hải*)

Đó cũng là lúc họ được dưỡng nhàn, được vui thú với cảnh cũ điền viên mà trước đây do bận bịu việc quan nên chưa có dịp thưởng thức:

Dưỡng nhàn quê tiện góc bên tây,
Phen học hiền xưa thú lạc tây.
Cảnh cũ mản vui vun luống cúc,
Hơi dương mừng thấy rạng vườn tây

(Nguyễn Quý Đức, *Dưỡng nhàn*)

Đặc biệt cảm động với những tác giả mà niềm khác khoái ngóng về quê cũ, làng cũ với đồng ruộng trong hình ảnh của người thân áo toai nón lá đã mãi mãi chỉ còn là niềm mơ ước. Một số người vĩnh viễn không có cơ hội để trở về:

Bệnh thừa ân chiếu hứa lưu kinh,
Quy kế Sơn Tây nhất vị thành,
Hà nhật Sơn Tây sơn hạ lộ,
Thoa y, tiểu lập khán xuân canh?

(Nguyễn Trục, *Ngẫu thành*)

*(Bờ nhà vua cho lưu lại ở kinh thành để
dưỡng bệnh*

*Nên việc xin về quê đến nay cũng chưa thành
Không biết ngày nào thì đứng ở bên
đường Sơn Tây*

*Mang tôi đội nón đứng xem cây dưới
trời xuân?)*

(Nguyễn Trục, *Ngẫu nhiên có thơ*)

Nhìn chung, nhân tản để hoà nhập với thiên nhiên và cuộc sống đời thường, thôn xóm như là một nhu cầu, một niềm vui tự thân ở các vị thi sĩ – quan lại. Vì lẽ đó, bất kể khi nào có điều kiện thời gian, ngay khi đang tại chức hay khi về hưu quan là họ thể hiện niềm vui này trong sáng tác của mình.

b. Những tác giả nhân tản khi ẩn nhẫn để chờ thời

Những nho sĩ ẩn nhẫn để chờ thời tồn tại trên tư cách của *nho sĩ – hành đạo* rất tiêu biểu. Họ là những người có chí hành đạo mãnh liệt. Có điều, trên thực tế, không phải thời gian nào và không gian nào cũng cho phép họ nhập cuộc. Chính vì vậy, khi thời thế chưa thuận lợi, họ tạm tìm đường *ẩn nhẫn để chờ thời*. Khi điều kiện khách quan thuận lợi, ngay lập tức họ sẽ ra thi thố tài năng và thực tế là họ được chính thể đương thời sung ngay vào bộ máy quan lại, với những vị trí quan trọng. Họ có cơ hội thể hiện năng lực của mình với triều đại. Họ từ bỏ cuộc sống nhân tản như một lẽ tất yếu.

Trong thời gian ẩn nhẫn để chờ thời này, họ cần tìm đến một không gian an toàn để tránh “tai mắt” của chế độ. Không gian đó sẽ là một không gian xa chốn thị thành, gần với thiên nhiên, thôn dã. Tác giả tiêu biểu là Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Thị Trung, Phùng Khắc Khoan, Đào Duy Từ, Nguyễn Du,...

Những nho sĩ như Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Thị Trung, Nguyễn Du,... (những tác giả đã được nhắc tới ở phía trên, nhân đây cũng xin nói thêm, sự giao thoa nhiều tư cách trong một tác giả là thực tế hiển nhiên) tính chất ẩn nhẫn chờ thời không mạnh mẽ như với Phùng Khắc Khoan hay Đào Duy Từ. Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Thị Trung đều tìm đường ẩn nhẫn để bảo toàn tâm thân khi quân Minh sang xâm lược nước ta. Còn ở Nguyễn Du thì tính chất của kẻ sĩ chạy loạn, lẩn tránh sự truy sát của chính thể mới với

³ Trích thơ của các tác giả sau đây, chúng tôi đều lấy từ cuốn này.

một cự thân của vương triều cũ mạnh hơn là tính chất ần ần chờ thời. Tất nhiên, khi điều kiện phù hợp, họ sẽ quay trở ra giúp chính thể mới để đi trọn vẹn hết con đường của một nho sĩ thông thường (*học – thi cử – nếu đỗ đạt – làm quan – về hưu sống nhàn tản*) chứ hình như trong lòng họ, khát vọng công danh không quá sục sôi, cháy bỏng. Với họ, sự hưng phế, thắng bại của các triều đại chưa phải là sự quan tâm lớn:

Thung mộc mai hà xuân thảo lục,
Độc lâu khiêu nguyệt dạ triều hàn.
Ngư Chu na quản hưng vong sự,
Tuý ngọa bông song quả điếu can.
(Nguyễn Mộng Tuân, *Hàm Tử quan*)

Chông gổ nay đã chìm đáy sông,
trên bờ chỉ có cỏ xanh biếc
Nghe như đầu lâu gào đêm trắng,
qua làn sóng lạnh ban đêm
Ông chài chẳng chú ý đến việc còn mất
của các triều đại
Bên mái bông, gác cần câu
đánh giấc say sưa
(Nguyễn Mộng Tuân, *Cửa Hàm Tử*)

Họ là những nho sĩ mà ngay khi tại chức đã hát vang khúc “về đi thôi”:

Thanh nhàn mặc nhược ca quy khứ,
Phú quý tông tư phó thảng lai.
Hoài lộc khu khu chân khả tiểu,
Trường nguyên hưu đãi tứ cung hài.
(Nguyễn Mộng Tuân, *Hoài lộc*)

(*Muốn thanh nhàn chẳng gì bằng
hát khúc “Về đi thôi”
Cảnh giàu sang từ đây phó mặc tự nhiên
Cứ khư khư ôm lấy tước lộc
thật đáng nực cười
Không kéo dài nguồn lộc,
đợi vua ban cả dày dếp cho nữa*)
(Nguyễn Mộng Tuân, *Ôm tước lộc*)

Một khi đã ra làm quan mà lại bàng quan với chính sự như thế thì hẳn một ngày không xa họ sẽ xin từ chức. Tiêu biểu như Nguyễn Du, trong thời gian làm quan cho nhà Nguyễn,

có đến bốn lần ông xin về quê an trí tuổi già. Thơ ca của họ lúc này, ngoài những nội dung cốt yếu khác, có một bộ phận hướng đến thể hiện nỗi niềm khắc khoải nhớ quê hương, tung ca cuộc sống nhàn tản, thể hiện niềm mong ước được hoà nhập cùng lâm tuyền sơn khê:

Thiên Thai sơn tại đế thành đông,
Cách nhất điều giang tự bất thông.
Cổ tự thu mai hoàng điệp lí,
Tiên triều tăng lão bạch vân trung.
Khả lân bạch phát cung khu dịch,
Bất dữ thanh sơn tương thuỷ chung.
Kí đắc niên tiền tăng nhất đảo,
Cảnh Hưng do quả cự thời trung.
(*Vọng Thiên Thai tự*)

(*Núi Thiên Thai tại phía đông kinh thành
Cách một con sông nhỏ mà dường như
không có lối tới thăm
Mùa thu, chùa cổ nấu mình trong lá vàng
Nhà sư già triều trước thắp thoáng
trong mây trắng
Đáng thương thay cho thân ta, bạc đầu
rời vẫn ở trong vòng bị sai khiến
Chẳng giữ trọn lời thuỷ chung với núi xanh
Nhớ lại năm trước đã từng đến đây
Còn thấy treo quả chuông cổ thời Cảnh Hưng.*)
(*Ngóng nhìn chùa Thiên Thai*)

Trong khi đó, tính chất ần ần chờ thời ở hai tác giả là Phùng Khắc Khoan và Đào Duy Từ rõ rệt hơn rất nhiều. Phùng Khắc Khoan thì ần ần khi bị thất sủng, Đào Duy Từ thì ần ần khi chưa tìm được người trọng dụng. Với hoàn cảnh ấy, người bình thường dễ rơi vào tâm trạng trầm tư, u uất, chán nản, đau khổ. Nhưng với những nho sĩ này thì đây lại chính là thời gian giúp họ chiêm nghiệm lại mình và chiêm nghiệm lại thể đạo nhân tâm. Họ là những nhân cách có ý thức rất rõ rệt, sâu sắc về tài năng, khả năng của bản thân và họ tin một ngày nào đó họ sẽ được trọng dụng và trên thực tế là đúng như vậy. Trong thời gian ần ần này, họ đều đã có những sáng

tác ca ngợi cuộc sống lâm tuyền lúc đó:

Non cau xem lấy làm nhà
Sắt là vách cứng, ngọc là bình che
Xung quanh nước chảy rò rề
Khoang rộng uốn khúc tốt ghê hữu tình...
Thanh nhàn vui mặc quản bao
Chè thang thuốc dưỡng sống lâu đến già
(Phùng Khắc Khoan, *Lâm tuyền văn*)

Đây cũng là lúc các nho sĩ thể hiện tâm hồn phóng khoáng, một sự gắn bó và yêu mến đối với phong cảnh tươi đẹp của quê hương. Đồng thời, họ đã tự ví mình với cỏ nhân đề vì thác cái chí khí hơn người:

Nam Dương có kẻ ẩn nho,
Khổng Minh là chữ, trượng phu khác loài.
Một mình vẹn đủ ba tài,
Phúc ta gấm ắt ý trời hậu vay.
Điền lành thuy lạ đã hay,
Đời này sinh có tài này ắt nên.
(Đào Duy Từ, *Ngọa Long cương văn*)

Họ cần phải di dưỡng, bảo tồn được sự trong sáng của tư tưởng, tâm hồn trước thế tục:

Thanh nhàn dưỡng tính hôm mai,
Ghènh trong cuộc nguyệt, bãi ngoài cây mây...
(Đào Duy Từ, *Ngọa Long cương văn*)

Như vậy, sự xuất hiện của nhóm nho sĩ ẩn nhẫn để chờ thời đã làm phong phú hơn cho loại hình tác giả có xu hướng nhàn tản trong văn học Việt Nam trung đại.

c. Những tác giả nhàn tản suốt đời

Thông thường đây là những nho sĩ, hoặc là không có hứng thú gì đối với con đường hoạn lộ nên họ không hề tham gia khoa cử, sống điền viên sơn thủy đến suốt đời (tiêu biểu như Trần Sư Mạnh ở thế kỉ XV); hoặc có tham gia thi cử và đỗ đạt nhưng họ, có lẽ là thức thời nên tìm đường bảo toàn tâm thân, nhất định từ chối bả phù hoa (tiêu biểu như Lý Tử Cầu ở thế kỉ XV); hoặc có tham gia thi nhưng không đỗ cao nên ban đầu thì chán nản, sau đó thì không có hứng thú với học thi nữa, tìm đường thoái lui (tiêu biểu như Ngô Thì Úc ở đầu thế kỉ XVIII);...

Trong thơ ca, nho sĩ thể hiện nỗi niềm cảm khái thời thế một cách kín đáo:

Đồ họa nhất thu tân cảnh sắc,
Bình khai sở bức cựu sơn xuyên.
Thi hoài hạo đặng ngâm nan tựa,
Tràng đoạn cô vân lạc chiếu biên.
(Trần Sư Mạnh, *Nam giao thu sắc*)

(*Như bức tranh mùa thu, cảnh sắc mới
Như bình phong mở ra mấy bức núi sông xưa
Lòng thơ man mác, ngâm khó nên vần
Đứt ruột thấy bóng mây lẻ loi rơi theo
bóng chiều.*)

(Trần Sư Mạnh, *Sắc mùa thu ở phía nam ngoại thành*)

Tuy nhiên, một khi đã chọn lối sống nhàn tản suốt đời thì cảm khái này sẽ không nhiều và không rõ rệt bằng hình tượng một nho sĩ thức thời, không ham danh lợi, không sục sôi với khát vọng quan trường. Họ sáng tác những bài ca ca ngợi cuộc sống điền viên, nhàn tản chốn đồng quê, thể hiện sự hoà nhập với cuộc sống của người dân lao động:

Nhuệ Giang biên hữu tiêu dao tử,
Tận nhật tiêu dao vô cá sự.
An cư thực lực bất ngoại cầu,
Vô sự vô tư diệc vô lự...
(Ngô Thì Úc, *Tiêu dao ngâm*)

Bên dòng Nhuệ Giang có chàng tiêu dao,
Suốt ngày ngao du chẳng để ý đến việc gì.
Ở một cách in lặng, ăn theo sức lao động,
không cầu cạnh gì ai cả
Không bận bịu, không nghĩ ngợi cũng
không lo lắng...

(Ngô Thì Úc, *Bài ngâm tiêu dao*)

Và họ thể hiện niềm tự hào về phẩm chất trong sạch, về cái giàu có của trăng gió, mây nước với túi thơ bầu rượu:

Bất lâm, bất thi, bất công hầu,
Bất học Tô Tần chỉ tệt cầu.
Phong nguyệt trường cung thi xã hứng,
Giang sơn chính tác tuý hương du...
(Lý Tử Cầu, *Thuật chí*)

(*Chẳng ở nơi rùng núi, chẳng ở nơi đô hội,
chẳng có tước công, tước hầu gì
Cũng chẳng bắt chước Tô Tần,
mà chỉ có manh áo cừ rách
Trăng gió dồi dào, tha hồ cho nguồn thơ
vùng vẫy
Sông núi sẵn sàng, tha hồ cho
khách rượu rong chơi...)*

Nhà nho nhân tản suốt đời với thơ ca mang khí vị ưu du, thích thăng trở thành một kiểu mẫu cho vẻ đẹp nhân cách vượt lên trên thế tục, bàng quan với thời thế, coi khinh danh lợi, hẳn có ý nghĩa lớn đối với loại hình tác nhà nho ẩn dật đương thời. Sự xuất hiện của họ góp phần vào sự phong phú cho mảng thơ ca điền viên sơn thủy của văn học Việt Nam trung đại.

Sự xuất hiện của loại hình tác giả nhà nho có xu hướng nhân tản cho thấy sự phong phú của các kiểu loại tác giả trong văn học Việt Nam trung đại. Loại hình nhân cách và loại hình tác phẩm của họ có ảnh hưởng ít nhiều tới hầu như tất cả các loại hình tác giả khác đương thời, đặc biệt là loại hình tác giả nhà nho ẩn dật. Sự đóng góp của họ cho quá trình vận động của văn học trung đại, vì lẽ đó, là đáng ghi nhận trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Chính ở đây, nhà nghiên cứu cần có những đánh giá đúng mực để ghi nhận vai trò của loại hình tác giả Thiền sư ở buổi đầu của văn học trung đại. Những xu hướng cảm xúc đẹp nhất, nhân văn nhất, sinh thái nhất mà ngày nay chúng ta thường nhắc đến và cũng là cách mà chúng ta đang tìm đến để bảo tồn thì cũng chính là những cảm quan mà các thiền sư như Trần Tung, Trần Quang Triều và Trần Nhân Tông nhắc đến từ rất sớm.

4. KẾT LUẬN

Như đã nhắc đến ở phía trên, nhân tản vốn ban đầu chỉ là một trạng thái xúc cảm của con người trước không gian sống hay là những khoảnh khắc tâm hồn cần đi đường thì dần

dần, nhân tản đã trở thành một lối sống, hơn thế là một triết lý sống đẹp của con người thời đại. Từ những điểm khởi mở nhất của các học thuyết chính trị xã hội, ở vào những trạng thái nhất định của hoàn cảnh và thân phận mà các tác giả thiền sư, trong đó, Trần Tung, Trần Quang Triều và Trần Nhân Tông là ba trường hợp điển hình đã xác lập nên một xu hướng cảm hứng tư tưởng đẹp trong văn học. Xu hướng ấy không chỉ mang giá trị nhân đạo, mà lớn hơn, nó hàm chứa giá trị nhân văn có khả năng phá vỡ biên giới quốc gia để đến với quốc tế. Cũng chính từ những chiêm nghiệm cao siêu, diệu vợi mang chiều sâu triết học như thế mà ở hầu hết các giai đoạn vận động, phát triển sau đó của văn học trung đại (và phần nào là ở văn học cận hiện đại, dù không thực sự nhiều), nhân tản luôn mang đến cho bạn đọc những âm hưởng sinh thái đẹp nhất, trong lành nhất. Trong bối cảnh phát triển và đô thị hóa nhanh chóng của Việt Nam giai đoạn gần đây, có thể khẳng định rằng, đã đến lúc cần có một giải pháp toàn diện để bảo tồn các không gian đó như một hiện thân đầy đủ nhất, nhiều nhất của lịch sử kí ức (không gian núi rừng Yên Tử là một gợi ý tham chiếu). Quảng Ninh hoàn toàn có đủ tiềm lực cũng như điều kiện để quy hoạch xây dựng, phát triển loại hình du lịch văn học trong thời gian tới. Và đó là lúc mà hậu sinh cần ngả mũ trước những sáng tạo chưa bao giờ là cũ của tiền nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Văn Nguyên (Chủ biên). (1995). *Tổng tập văn học Việt Nam: Tập 5*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên). (1988). *Thơ văn Lý – Trần: Tập II (Quyển thượng)*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Trần Thị Băng Thanh (Chủ biên). (1997). *Hợp tuyển văn học Việt Nam: Tập 4*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.